

**CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM XỬ LÝ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI PHẢI CÔNG
BỐ TRONG TIÊU CHUẨN CÔNG BỐ ÁP DỤNG**

STT	Chỉ tiêu công bố trong tiêu chuẩn công bố áp dụng	Chỉ tiêu công bố trên nhãn sản phẩm	Đơn vị tính	Hình thức công bố
I	Chế phẩm sinh học			
1	Các chỉ tiêu cảm quan: dạng, màu		-	Mô tả
2	Độ ẩm	Độ ẩm	%	Không lớn hơn <i>(đối với sản phẩm dạng khô)</i>
3	Tên vi sinh vật; tên và công thức hoạt chất sinh học có lợi	Thành phần: Tên vi sinh vật; tên và công thức hoạt chất có lợi	- Vi sinh vật: CFU/kg, CFU/l, CFU/g, CFU/ml; - Hoạt chất có lợi: g/kg, mg/kg, µg/kg, IU/kg, g/L, mg/l, µg/l, IU/l	Tối thiểu hoặc bằng hoặc trong khoảng
4	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu	Các thành phần khác: tên thành phần, hoạt chất		Không phải công bố hàm lượng
II	Hóa chất và sản phẩm khác			
1	Các chỉ tiêu cảm quan: dạng, màu		-	Mô tả
2	Độ ẩm		%	Không lớn hơn <i>(đối với sản phẩm dạng khô)</i>
3	Tên, công thức hóa học và hàm lượng hoạt chất có đặc tính, công dụng chính	Tên, công thức hóa học và hàm lượng hoạt chất có đặc tính, công dụng chính	Theo đặc tính của thành phần, phương pháp thử	Tối thiểu hoặc tối đa hoặc trong khoảng

4	Các thành phần khác: Chất bảo quản, chất ổn định, chất mang, chất tạo màu	Các thành phần khác: Tên thành phần, hoạt chất		Không phải công bố hàm lượng
---	---	--	--	------------------------------

Nguồn: Nghị định 46/2022/NĐ-CP